

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 30/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiên

2. Ông Trần Hoài Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái:** Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đình C sinh ngày 15 tháng 6 năm 1995. Tại **huyện C, tỉnh Phú Thọ**.

Nơi cư trú: **Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Đình P** (đã chết) và bà **Trịnh Thị T**; có vợ là **Nguyễn Thị H** và 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/8/2013 bị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số: 24/2013/HSST; Ngày 22/7/2024 bị **Công an huyện V**, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số: 81/QĐ-ĐTTH. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/7/2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V**, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

2. Phạm Ngọc A sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975. Tại **huyện H, tỉnh Nam Định**.

Nơi cư trú: Tổ dân phố **số A, T, huyện V, tỉnh Yên Bái**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Ngọc T1** (đã chết) và bà **Bùi Thị N** (đã chết); có vợ là **Vũ Thị X** và 02 người con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013); tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 29/11/2016 bị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số: 51/2016/HSST đến ngày 28/7/2023 chấp hành xong án phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/11/1995 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt

06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 65/HSST; Ngày 30/9/2002 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 13/HSST; Ngày 31/8/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 09 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” tại Bản án số 79/HSST; Ngày 22/7/2024 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số: 82/QĐ-ĐTTH. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/7/2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

3. **Hoàng Văn H1** sinh ngày 02 tháng 10 năm 1996. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Dương Thị Đ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Quyết định số: 19/2016/QĐ-TA ngày 06/12/2016 thời hạn 24 tháng, đến ngày 13/12/2018 chấp hành xong; Ngày 22/7/2024 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số: 83/QĐ-ĐTTH. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/7/2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Bùi Đình P1 sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái - có mặt.

Chị Vũ Thị X sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn G, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/7/2024 Hoàng Văn H1 gặp Bùi Đình C tại khu vực xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái sau khi trò chuyện C rủ H1 đi xuống nhà Phạm Ngọc A, trú tại tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái chơi, sau đó C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17N2 - 3020 chở H1 đi theo đường (Đ - Q) xuống nhà Phạm Ngọc A. Trong lúc ngồi chơi nói chuyện tại nhà A, C nói với H1 và Anh “Trên đường đi qua xã T có nhiều xe ô tô để dọc đường, anh em mình tới lên đó lấy trộm bình ắc quy mang về bán lấy tiền mua ma túy sử dụng”, nghe C nói, H1 và A đồng ý. Đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, C đi xe mô tô về nhà tại xã C lấy 01 chiếc kim cộng lực và 01 cờ lê làm công cụ để cắt và vặn ốc bình ắc quy rồi quay lại nhà của A. Đến khoảng 01 giờ 30 phút sáng ngày 02/7/2024 Phạm Ngọc A đi xe mô tô biển kiểm soát 29R4-0567 chở C ngồi phía sau cầm theo chiếc kim cộng lực và cờ lê còn H1 đi xe mô tô biển kiểm soát 17N2 – 3020

xe của C đi từ thị trấn M lên xã T, huyện V, khi đi đến địa phận thôn G, xã T. C dừng xe lại và chỉ tay ra hiệu cho H1 tiến lên và đứng ở đó, nếu thấy có người thì báo. C nói với A “Chú đi sang đây với cháu lấy ắc quy”. C cùng A đi bộ sang bên đường phía bên trái rồi đến gần vị trí chiếc xe ô tô tải biển số 35H - 00.113 của anh Nguyễn Văn K, trú tại thôn G, xã T, huyện V đang đỗ ở ven đường. Phạm Ngọc A cầm đèn pin đội đầu soi cho C dùng dụng cụ mang theo để tháo 02 bình ắc quy có nhãn hiệu “GS PLUS ONE N150 12V-150Ah” và “dongnai N150 12V-150Ah” của xe ô tô. Sau khi tháo xong, C gọi H1 đi đến chỗ xe ô tô rồi cùng với H1 bê 02 bình ắc quy ra xe mô tô để H1 chở về nhà Phạm Ngọc A cất giấu. Sau khi H1 đi, C và A điều khiển xe mô tô đi trên đường cách nơi vừa lấy trộm bình ắc quy khoảng 200m thì dừng xe lại, lúc đó do thấy có ánh đèn đi đến, C và A nghĩ đã bị Công an phát hiện nên C bỏ chạy xuống phía bờ sông, còn A đứng tại xe mô tô nên Công an xã T, huyện V giữ lại được. Còn H1 sau khi chở 02 bình ắc quy về nhà A cất giấu ở bụi cỏ lau cách nhà A khoảng 03 mét rồi quay vào nhà đi ngủ.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn đen, đỏ, xe gắn biển số 17N2 - 3020; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ, xe gắn biển số 29R4 - 0567; 01 kim cộng lực nhãn hiệu HADEN 450; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; 01 ắc quy nhãn hiệu “GS PLUS ONE”; loại: N150 12V-150Ah; 01 ắc quy nhãn hiệu “dongnai”; loại: N150 12V-150Ah.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS, ngày 17/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Yên Bái, kết luận: 01 (Một) Ắc quy nhãn hiệu GS PLUS ONE; loại N150 12V-150Ah, tài sản đã qua sử dụng có giá trị thời điểm ngày 02/7/2024 là: 1.733.333đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); 01 (Một) Ắc quy nhãn hiệu dongnai; loại N150 12V-150Ah đã qua sử dụng có giá trị thời điểm ngày 02/7/2024 là: 1.766.667đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Bùi Đình C, Phạm Ngọc A và Hoàng Văn H1 đã trộm cắp là: 3.500.000đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKS-VY ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố các bị cáo Bùi Đình C; Phạm Ngọc A; Hoàng Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Đình C; Phạm Ngọc A; Hoàng Văn H1 phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Và đề nghị Hội đồng xét xử đối với từng bị cáo như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đình C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn H1** từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh **Nguyễn Văn K** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chị **Vũ Thị X** 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Đỏ, xe gắn biển số 29R4 – 0567, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh **Bùi Đình P1** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe wave RSX, màu sơn: Đen-Đỏ, xe gắn biển số 17N2-3020, xe cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 kim cộng lực nhãn hiệu HADEN 450; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, có kính chắn phía trước, phía sau mũ có tem MSPST04K Size 5658cm.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo **Bùi Đình C**; **Phạm Ngọc A** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Hoàng Văn H1** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo **Bùi Đình C**; **Phạm Ngọc A**; **Hoàng Văn H1** không tranh luận và tự bào chữa gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện V**, tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, để có tiền chi tiêu vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 02/7/2024 các bị cáo **Bùi Đình C**, **Phạm Ngọc A** và **Hoàng Văn H1** đã cùng nhau trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu GS PLUS ONE, loại N150 12V-150Ah và 01 bình ắc quy nhãn hiệu dongnai, loại N150 12V-150Ah trong xe ô tô của anh **Nguyễn Văn K** đang đỗ tại ven đường thuộc **thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Tổng trị giá tài sản là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo **Bùi Đình C**; **Phạm Ngọc A**; **Hoàng Văn H1** đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 33/CT-VKS-VY ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét vai trò đồng phạm, tích chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo **Bùi Đình C** là người chủ mưu, khởi xướng và chuẩn bị công cụ rủ bị cáo **Phạm Ngọc A** và bị cáo **Hoàng Văn H1**, đồng thời trực tiếp cùng tham gia trộm cắp tài sản, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính; Còn bị cáo **Phạm Ngọc A** và bị cáo **Hoàng Văn H1** phải chịu trách nhiệm với vai trò là đồng phạm là người giúp sức trong vụ án. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần phải căn cứ vào quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện để thoả mãn nhu cầu của bản thân. Thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bản thân các bị cáo là rất kém.

[5] Về nhân thân:

Bị cáo **Bùi Đình C**: Ngày 20/8/2013 bị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số: 24/2013/HSST (đã xoá án tích); Ngày 22/7/2024 bị **Công an huyện V**, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số: 81/QĐ-ĐTTH.

Bị cáo **Phạm Ngọc A**: Có 01 tiền án. Ngày 29/11/2016 bị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số: 51/2016/HSST đến ngày 28/7/2023 chấp hành xong án phạt tù (chưa được xoá án tích); Ngày 22/11/1995 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 65/HSST; Ngày 30/9/2002 bị Tòa án nhân dân huyện Văn

Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 13/HSST; Ngày 31/8/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 09 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” tại Bản án số 79/HSST; Ngày 22/7/2024 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số: 82/QĐ-ĐTTH.

Bị cáo Hoàng Văn H1: Năm 2016 bị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Quyết định số: 19/2016/QĐ-TA ngày 06/12/2016 thời hạn 24 tháng, đến ngày 13/12/2018 chấp hành xong; Ngày 22/7/2024 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số: 83/QĐ-ĐTTH.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Ngọc A có tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm”, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà 03 bị cáo được hưởng.

Bị cáo Hoàng Văn H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Ngọc A có bố là ông Phạm Ngọc T1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và mẹ đẻ là bà Bùi Thị N được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy cần xử phạt các bị cáo Bùi Đình C; Phạm Ngọc A; Hoàng Văn H1 một hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ của tội phạm. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng ...”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo Bùi Đình C; Phạm Ngọc A; Hoàng Văn H1 là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp ổn định, tài sản không có. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản đến nay không yêu cầu gì đối với các bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đã được xử lý như sau:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Đỏ, xe gắn biển số 29R4 – 0567 là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo **Phạm Ngọc A** sử dụng làm phương tiện phạm tội chi **X** không biết. Tại phiên toà chi **X** có nguyện vọng xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Do vậy Hội đồng xét xử trả lại cho chi **Vũ Thị X** 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Đỏ, xe gắn biển số 29R4 – 0567, xe đã qua sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe wave RSX, màu sơn: Đen-Đỏ, xe gắn biển số 17N2-3020 là tài sản của anh **Bùi Đình P1** là anh trai bị cáo **Bùi Đình C**, bị cáo **Bùi Đình C** sử dụng làm phương tiện phạm tội anh **P1** không biết. Tại phiên toà anh **P1** có nguyện vọng xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Do vậy Hội đồng xét xử trả lại cho anh **Bùi Đình P1** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe wave RSX, màu sơn: Đen-Đỏ, xe gắn biển số 17N2-3020, xe cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu huỷ: Các công cụ phương tiện liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo không còn giá trị bao gồm:

01 kim cộng lực nhãn hiệu HADEN 450; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, có kính chắn phía trước, phía sau mũ có tem MSPST04K Size 5658cm.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo **Bùi Đình C**; **Phạm Ngọc A** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Hoàng Văn H1** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên toà bị cáo xin miễn án phí. Do vậy Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Các bị cáo khai nhận ngày 30/6/2024 mua ma túy của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở khu vực ven bờ **sông H** để sử dụng. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, điều tra xử lý đối với người bán ma túy này.

[13] Đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của các bị cáo, ngày 22/7/2024 cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1, Điều 23 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là phù hợp.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Bùi Đình C**; **Phạm Ngọc A**; **Hoàng Văn H1** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Đình C** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2024.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc A** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2024.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn H1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2024.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chị **Vũ Thị X** 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Đỏ, xe gắn biển số 29R4 – 0567, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh **Bùi Đình P1** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe wave RSX, màu sơn: Đen-Đỏ, xe gắn biển số 17N2-3020, xe cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 kìm cộng lực nhãn hiệu HADEN 450; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, có kính chắn phía trước, phía sau mũ có tem MSPST04K Size 5658cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 31 ngày 17 tháng 9 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V**, tỉnh Yên Bái và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo **Bùi Đình C**; **Phạm Ngọc A** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Hoàng Văn H1** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên
- Cơ quan THAHS Công an huyện Văn Yên.
- Bộ phận HSNV Công an huyện Văn Yên
- VKSND huyện Văn Yên
- VKSND tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái
- THADS huyện Văn Yên
- THA phạt tù (06)
- Các bị cáo (03)
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (3)
- Lưu HSVA - TQĐ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng